

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

### BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I: từ 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

| STT | Nội dung dự thảo Nghị quyết  | Thuyết minh  |
|-----|--|--|
| 1   | <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</b></p> <p><b>1. Phạm vi điều chỉnh:</b> Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, giai đoạn I: từ 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là <i>Chương trình</i>).</p> <p><b>2. Đối tượng áp dụng:</b></p> <p>a) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện <i>Chương trình</i>.</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc <i>Chương trình</i>.</p> | <p><b>Cơ sở đề xuất:</b></p> <p>Căn cứ Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 và phù hợp với mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức bộ máy của địa phương hai cấp trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:</p> <p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>Quyết định này quy định chi tiết các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện <i>Chương trình</i> mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 (sau đây gọi tắt là <i>Chương trình</i>).</p> <p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan trung ương); Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là địa phương) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện <i>Chương trình</i>.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực</p> |

|   |  |   |
|---|--|---|
|   |  | hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.  |
| 2 | <p><b>Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn</b></p> <p>1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>3. Đầu tư trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa:</p> <p>a) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, phát triển con người toàn diện.</p> <p>b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và một số nhiệm vụ mà nhà nước cần đầu tư để dẫn dắt, định hướng, chi phối, tạo nền tảng để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển văn hóa, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa.</p> <p>c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.</p> <p>d) Hỗ trợ các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn.</p> <p>4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc</p> | <p><b>Cơ sở đề xuất:</b> Căn cứ Điều 3 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ</p> <p><b>- Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn</b></p> <p>1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 -2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>3. Đầu tư trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung vào các nội dung cần ưu tiên thực hiện trước nhằm tạo đột phá trong phát triển văn hóa:</p> <p>a) Các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, phát triển con người toàn diện.</p> <p>b) Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp và một số nhiệm vụ mà Nhà nước cần đầu tư để dẫn dắt, định hướng, chi phối, tạo nền tảng để thu hút toàn xã hội tham gia phát triển văn hóa, đặc biệt là các nhiệm vụ phát triển công nghiệp văn hóa.</p> <p>c) Các nhiệm vụ về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa.</p> <p>d) Hỗ trợ các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn.</p> <p>4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) và nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p> |

|   |   |   |
|---|---|---|
|   | gia khác. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan và phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương.   | quyết định phân bổ, đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương. |
| 3 | <p><b>Điều 3. Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương</b></p> <p>Bố trí vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2025 – 2035 và hàng năm tối thiểu bằng 20% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh.</p> <p>Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa được phân bổ cho các cấp, các xã, phường tương ứng với mức vốn ngân sách trung ương được phân bổ, bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu theo quy định. Mức vốn đối ứng ngân sách địa phương phân bổ cho từng xã, phường được xác định theo công thức: Vốn đối ứng địa phương của xã, phường = Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường × Tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định.</p> | <p><b>Cơ sở đề xuất:</b> Căn cứ Điểm b, khoản 2, Điều 7, Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:</p> <p>Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 40% đến dưới 60%: Hàng năm, ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 20% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương.</p>        |
|   | <p><b>Điều 4. Tiêu chí, hệ số, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương</b></p> <p>1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường</p>   |   |

|  |  |
|--|--|
| <p>a) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 6,0.</li> <li>- Các xã còn lại: Hệ số 4,0.</li> <li>- Các phường: Hệ số 2,0.</li> </ul>  | <p><b>Cơ sở đề xuất:</b> Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã: Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>Các xã đặc biệt khó khăn, đặc khu: Hệ số 6,0.</p> <p>Các xã, đặc khu còn lại: Hệ số 4,0.</p> <p>Các phường: Hệ số 2,0.</p> <p>Cụ thể phân loại: 51 xã đặc biệt khó khăn (khu vực III); Các xã còn lại: 37 xã và 14 phường trên địa bàn toàn tỉnh.</p> <p>Căn cứ Quyết định số 02415/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định 1925/QĐ-UBND ngày 19/06/2026 về việc điều chỉnh Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 02415/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh</p> |
| <p>4 b) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô dân số</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các xã có dân số có quy mô dân số dưới 20.000 người: Hệ số 0,4.</li> <li>- Các xã, phường có quy mô dân số từ 20.000 người đến dưới 30.000 người; Hệ số 0,8.</li> <li>- Các xã, phường có quy mô dân số từ 30.000 người đến dưới 70.000 người; hệ số 1,4.</li> <li>- Các xã, phường có quy mô dân số trên 70.000 người: Hệ số 3.</li> </ul> | <p><b>Cơ sở đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô dân số: theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Đắk Lắk có 3.346.853 người thuộc nhóm “<i>Các địa phương có dân số từ 3 triệu người trở lên: Hệ số 100</i>”.</li> <li>- Căn cứ quy mô dân số các xã/phường sau sắp xếp, thành lập tại Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025 để xây dựng hệ số cho các xã, phường theo công thức: Dân số thực tế của xã, phường nhân với số điểm của tỉnh theo quy định (100) chia cho tổng dân số toàn tỉnh.</li> <li>- Trên cơ sở phân nhóm các xã, phường theo tiêu chí, lấy tổng hệ số của các</li> </ul>  |

|   |   |
|---|---|
|   | <p>xã, phường thuộc nhóm, chia trung bình bằng hệ số phân theo nhóm tương ứng hệ số 0,4 – 0,8 – 1,4 – 3 (<i>Cộng tổng hệ số các xã theo 04 nhóm bằng hệ số điểm của tỉnh là 100 theo quy định tại Quyết định 41/2025/QĐ-TTg</i>).</p>   |
| <p>c) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô diện tích</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các xã, phường có quy mô diện tích có diện tích từ 400km<sup>2</sup> trở lên: Hệ số 2,6.</li> <li>- Các xã có quy mô diện tích từ 200km<sup>2</sup> đến dưới 400km<sup>2</sup>: Hệ số 1,2.</li> <li>- Các xã có quy mô diện tích từ 100km<sup>2</sup> đến dưới 200km<sup>2</sup>: Hệ số 0,6</li> <li>- Các xã, phường có quy mô diện tích dưới 100km<sup>2</sup>: Hệ số 0,3.</li> </ul> | <p><b>Cơ sở đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo quy mô diện tích: theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 18.096,4 km<sup>2</sup> thuộc “<i>Các địa phương có diện tích từ 15.000 km<sup>2</sup> trở lên: Hệ số 80.</i>”</li> <li>- Căn cứ quy mô diện tích các xã/phường sau sắp xếp, thành lập tại Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025 để xây dựng hệ số cho các xã, phường theo công thức:<br/>Diện tích thực tế của xã, phường nhân với số điểm của tỉnh theo quy định (80) chia cho tổng diện tích toàn tỉnh<br/>Trên cơ sở phân nhóm các xã, phường theo tiêu chí, lấy tổng hệ số của các xã, phường thuộc nhóm, chia trung bình bằng hệ số phân theo nhóm tương ứng (<i>Cộng tổng hệ số các xã, phường bằng hệ số của tỉnh là 80 theo quy định tại Quyết định 41/2025/QĐ-TTg</i>).</li> </ul> |
| <p>d) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các xã, phường có các điểm Di tích quốc gia đặc biệt: Hệ số 4,75 (05 di tích Quốc gia Đặc biệt).</li> <li>- Các xã, phường có các điểm Di tích cấp quốc gia: Hệ số 1,4 (39 di tích Quốc gia).</li> </ul>  | <p><b>Cơ sở đề xuất:</b> Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã, phường theo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ: “<i>Di tích quốc gia đặc biệt: Hệ số 5,0; Di tích cấp quốc gia: Hệ số 2,0.</i>”</p> <p>Căn cứ mục tiêu cụ thể Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27/11/2024 Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; Căn cứ Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ và Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 22/4/2026 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về thực</p>  |

|                                     |   |  |
|-------------------------------------|---|--|
|                                     |   | <p>hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 có <b>95% di tích quốc gia đặc biệt, 70% di tích quốc gia và 30% di tích cấp tỉnh được tu bổ, tôn tạo</b> để xây dựng hệ số cho các xã, phường theo công thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các xã, phường có các điểm Di tích quốc gia đặc biệt: Tập trung nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo dứt điểm 95% điểm di tích cấp Quốc gia Đặc biệt của tỉnh. Do đó, đề xuất hệ số phân bổ được xây dựng tương ứng với tỷ lệ mục tiêu cần hoàn thành 4,75 (95%*5,0)</li> <li>- Đối với các xã, phường có các điểm Di tích cấp quốc gia: Để phù hợp với mục tiêu phấn đấu của tỉnh chương trình và khả năng cân đối ngân sách của Tỉnh Đắk Lắk, hệ số phân bổ được xây dựng tương ứng với tỷ lệ mục tiêu cần hoàn thành. Do đó, đề xuất hệ số 1,4 (70%*2,0).</li> </ul> |
| 2. Phương pháp tính mức phân bổ vốn | <p>a) Căn cứ các tiêu chí, hệ số phân bổ quy định tại khoản 1 Điều này, xác định tổng số điểm của từng xã, phường làm căn cứ phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Gọi tổng số điểm của đơn vị hành chính cấp xã thứ i là Xi, được xác định theo công thức:</p> $X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$ <p>Trong đó:</p> <p>A<sub>i</sub> là điểm theo tiêu chí đối tượng xã, phường, đặc khu của đơn vị thứ i, gồm: xã đặc biệt khó khăn, đặc khu; xã còn lại; phường.</p> <p>B<sub>i</sub> là điểm theo tiêu chí quy mô dân số của đơn vị thứ i.</p> <p>C<sub>i</sub> là điểm theo tiêu chí quy mô diện tích tự nhiên của đơn vị thứ i</p> | <p><b>Cơ sở đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ vào khoản 2 Điều 5 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ</li> </ul>  |

Di là điểm theo tiêu chí di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

b) Tổng số điểm của toàn tỉnh được xác định theo công thức:

$$Y = X1 + X2 + \dots + Xn$$

Trong đó:

Y là tổng số điểm của các xã, phường, đặc khu được phân bổ vốn;

n là tổng số xã, phường, đặc khu thuộc phạm vi phân bổ vốn.

c) Số vốn định mức cho một điểm phân bổ được xác định theo công thức:

$$Z = K / Y$$

Trong đó:

K là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp xã thực hiện Chương trình sau khi trừ phần vốn phân bổ cho cấp tỉnh theo phương án được cấp có thẩm quyền quyết định;

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ.

d) Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu được xác định theo công thức:

$$Vi = Z \times Xi$$

Trong đó: Vi là mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho đơn vị hành chính cấp xã thứ i.

| 3. Định mức phân bổ vốn  |   |
|--|---|
| <p>a) Tổng vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được phân bổ theo nguyên tắc như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 30% tổng vốn được phân bổ cho cấp xã, phường để thực hiện các nội dung của Chương trình theo tiêu chí, hệ số quy định tại điểm a, b, c, d Điều 4 của Nghị quyết này.</li> <li>- Tối đa 70% tổng vốn được bố trí cho các nhiệm vụ do cấp tỉnh trực tiếp thực hiện.</li> </ul> <p>b) Đối với vốn đầu tư: Ưu tiên phân bổ để thực hiện các nhiệm vụ đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá cấp tỉnh; tu bổ, tôn tạo các di tích cấp quốc gia; thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở; điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em; bảo tồn làng, bản gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số; trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi... đảm bảo theo mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.</p> <p>c) Đối với vốn sự nghiệp: Hằng năm căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã), các ngành để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao.</p> <p>d) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg.</p> | <p><b>Cơ sở đề xuất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg và tình hình thực tế tại địa phương để đảm bảo không bị dàn trải, bố trí thực hiện các dự án ưu tiên tại cấp tỉnh.</li> <li>- Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 của Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá cấp tỉnh đảm bảo theo mục tiêu của chương trình gồm: Trung tâm Văn hoá- Nghệ thuật tỉnh Đắk Lắk; Nâng cấp hệ thống Bảo tàng và Thư viện tỉnh; Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích 05/05 di tích quốc gia đặc biệt và hệ thống di tích cấp Quốc gia (39 di tích)</li> <li>- Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở.</li> </ul> </li> </ul> <p>b) Đối với vốn sự nghiệp: Hằng năm căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ thành phần của Chương trình, Sở VH-TTDL phối hợp với Sở tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cụ thể cho các cấp (tỉnh, xã), các ngành để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao theo mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg và Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hoá giai đoạn 2025 – 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 – 2030.</p> <p>Đảm bảo mục tiêu Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ và Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 22/4/2026 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk mà Văn phòng</p> |

|   |  |  |
|---|--|--|
|   |  | <p>UBND tỉnh đang lấy ý kiến các thành viên của UBND tỉnh tại Công văn số 1742/VPUBND-KGVX ngày 12/6/2026 cụ thể như sau:</p> <p>Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: (1) Hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị con người và hệ giá trị gia đình tinh Đắk Lắk được triển khai đồng bộ thông qua các bộ quy tắc ứng xử phù hợp với đặc trưng văn hoá các dân tộc Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên; (2) Phân đầu cấp tỉnh có đủ 03 loại hình thiết chế văn hóa (Trung tâm Văn hóa, Bảo tàng, Thư viện được đầu tư nâng cấp về quy mô, chất lượng phục vụ; đảm bảo vận hành hiệu quả các thiết chế văn hóa cơ sở xã, phường, thôn, buôn, khu phố; (3) Phân đầu hoàn thành việc tu bổ, tôn tạo những di tích xuống cấp: 95% di tích quốc gia đặc biệt (toàn tỉnh hiện có 05 di tích); 70% di tích quốc gia (toàn tỉnh hiện có 39 di tích);</p> |
| 5 | <p><b>Điều 5. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.</p> <p>2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.</p> |  |
| 6 | <p><b>Điều 6. Điều khoản thi hành</b></p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2026.</p>   |  |